

Số: 427/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 05 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất để thực hiện các dự án đầu tư năm 2025 trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 267/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024, Báo cáo số 630/BC-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 961/BC-KTNS ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa (đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên) 3.520,8 m², đất trồng lúa còn lại diện 19.845,0 m², đất rừng phòng hộ (đất có rừng) 49.200 m², đất rừng phòng hộ (đất chưa có rừng) 25.892,5 m², đất rừng sản xuất (đất có rừng) 20.100,0 m², đất rừng sản xuất (đất chưa có rừng) 86.166,4 m² để thực hiện năm 2025 đối với 11 dự án trên địa bàn các huyện Mai Sơn, Thuận Châu, Sốp Cộp, Bắc Yên, Mộc Châu.

(Có 01 biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh; LTLS tỉnh;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Hưng



BIỂU DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO ĐIỀU 122 LUẬT ĐẤT ĐAI

(Kèm theo Nghị quyết số: 427/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Phân theo các loại đất (m ²)						Loại đất sau khi CMD sử dụng đất	Nguồn vốn thực hiện					
			Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất (m ²)	★ Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ			Đất rừng sản xuất		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn		
					Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng		Đất chưa có rừng					
MAI SƠN															
1	Dự án Đường giao thông xã Chiềng Dong - Phiêng Cầm, huyện Mai Sơn	Xã Chiềng Dong - xã Phiêng Cầm	89.145,0		19.845,0	49.200,0			20.100,0		DGT	Văn bản ghi vốn theo Quyết định số 1002/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của UBND tỉnh; Chủ trương đầu tư theo Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội; Nghị Quyết số 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022; Nghị quyết số 214/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 339/NQ-HĐND ngày 14/6/2024.	Vốn ngân sách nhà nước (Trung ương và địa phương) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 -2025		
2	Dự án Khai thác mỏ đất sét làm gạch, ngói tại bản Bon, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.	xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	38.653,9							11.275,3		27.378,6	SKS	Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La về Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư cấp cho Công ty cổ phần gạch Mai Sơn.	Vốn nhà đầu tư
SÓP CỘP															
3	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 105 (đoạn Km 55+600- Km60+343) huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	Xã Mường Lèo	12.081,0							12.081,0			DGT	Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 của UBND tỉnh Sơn La	Vốn ngân sách tỉnh
4	Cứng hoá đường giao thông từ bản Huổi Luông xã Mường Lèo đến trung tâm xã Mường Lèo (Km 18+600 đến Km 12+300)	Xã Mường Lèo	1.064,0							1.064,0			DGT	Nghị quyết số 379/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh Sơn La	Chương trình mục tiêu Quốc gia
MỘC CHÂU															
5	Đường khu dân cư trung tâm hành chính mới (GĐ4) TT Mộc Châu	Tiểu khu 14, TT Mộc Châu	50.048,0						50.048,0				DGT, ODT	21/NQ-HĐND ngày 04/10/2021	NS huyện
6	Đường từ Quốc lộ 6 qua tiểu khu Vườn Đào, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu đến bản Thuồng Cuông, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ	Tiểu khu Vườn Đào, TTNT Mộc Châu	21,8						21,8				DGT	261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021	NS tỉnh
7	Đầu tư hạ tầng khu tái định cư tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	Tiểu khu 14, TT Mộc Châu	6.454,0						6.454,0				DGT, ODT	67/NQ-HĐND ngày 12/8/2022	NS huyện và nguồn vốn khác
8	Xử lý khắc phục sạt lở do thiên tai tại khu vực trung tâm xã Quy Hương, huyện Mộc Châu	Bản Suối Giăng, xã Quy Hương	2.264,0						2.264,0				DGT	QĐ số 518/QĐ-UBND ngày 07/4/2023	NV dự phòng NS TW

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Phân theo các loại đất (m2)							Loại đất sau khi CMD sử dụng đất	Nguồn vốn thực hiện	
			Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (m2)	Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ		Đất rừng sản xuất			Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
				Đất chuyên trồng lúa (Đất trồng từ 02 vụ lúa trở lên)	Đất trồng lúa còn lại	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng			
THUẬN CHÂU												
9	Nhà quản lý điều hành, đường công vụ, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, sân bãi đỗ xe và các hạng mục phụ trợ khác tại Khu di tích văn hoá - lịch sử đèo Pha Đin, huyện Thuận Châu	Xã Mường É	1.472,2							DDD	QĐ số 3082/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 của UBND huyện Thuận Châu	Nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác
10	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở công an xã Mường Khiêng	Xã Mường Khiêng	539,8	539,8						CAN	QĐ số 834/QĐ-CAT-PH10 ngày 02/5/2024 của Công an tỉnh Sơn La	Nguồn kinh phí thường xuyên Bộ Công an cấp; nguồn hỗ trợ từ ngân sách huyện Thuận Châu
BẮC YÊN												
11	Trường THCS xã Tạ Khoa, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	Xã Tạ Khoa	2.981,0	2.981,0						DGD	Nghị quyết số 348/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của HĐND tỉnh	Bổ sung cân đối ngân sách tỉnh và nguồn thu từ đất